

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2025.

“V/v: Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân

1. Bà Trần Thị Chín.

2. Ông Trần Đức Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2024, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị Thu TH, sinh năm 1990. (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Thanh V, sinh năm 1987. (Xin vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nông Thị Thu TH trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V tự nguyện tìm hiểu và tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 2009, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn. Chị và anh V xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V không chăm lo cuộc sống gia đình, tham gia hút ma túy từ nhiều năm nay. Từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát. Sau này anh V bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh

Bình Phước áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong năm 2024. Do mâu thuẫn quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 03 con chung là Huỳnh Thị Diễm T, sinh ngày 17/5/2007; Huỳnh Minh T1, sinh ngày 30/3/2015 và Huỳnh Ngọc G, sinh ngày 05/7/2020. Hiện nay các con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh V đang phải đi cai nghiện nên chị đề nghị không tiến hành các thủ tục hòa giải. Chị không có ý kiến về tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ và không đề nghị Tòa án thu thập gì thêm.

*** Bị đơn anh Huỳnh Thanh V quá trình giải quyết vụ án trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nông Thị Thu TH tự nguyện tìm hiểu và tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Xác nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không thống nhất được với nhau trong các công việc làm ăn, cách ứng xử và nhiều lý do khác. Từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn tiếng nói chung. Hiện nay anh đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc, chị TH yêu cầu ly hôn thì anh cũng không có biện pháp hàn gắn gia đình, nên đồng ý thuận tình ly hôn với chị TH.

Về con chung: Anh và chị TH có 03 con chung là Huỳnh Thị Diễm T, sinh ngày 17/5/2007; Huỳnh Minh T1, sinh ngày 30/3/2015 và Huỳnh Ngọc G, sinh ngày 05/7/2020. Hiện nay các con chung đang do chị TH trực tiếp nuôi dưỡng là đúng. Do anh đang phải chấp hành việc cai nghiện nên đồng ý để chị TH nuôi con, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng. Sau này nếu thấy chị TH không đảm bảo quyền nuôi con thì sẽ yêu cầu thay đổi quyền nuôi con theo quy định.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh đang chấp hành việc cai nghiện, không thể tham gia hòa giải và xét xử tại Tòa án nên đề nghị không tiến hành thủ tục hòa giải và phiên họp. Đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc làm đơn của đương sự là tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định

tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử thấy chị TH và anh V thống nhất được với nhau toàn bộ những tranh chấp trong vụ án. Tuy nhiên, quá trình giải quyết các đương sự từ chối đến tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa nên không có cơ sở ghi nhận mà cần xét xử theo quy định, cụ thể:

- Về yêu cầu ly hôn: Các bên tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 1, ngày 29/6/2009. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2000, hiện nay là Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng mâu thuẫn: Các bên xác nhận trong thời gian chung sống xảy ra mâu thuẫn gia đình. Nguyên nhân do không thống nhất được với nhau trong các công việc gia đình, thiếu sự tin tưởng, thông cảm. Ngoài ra có một phần anh V bị nghiện ma túy. Hiện nay các bên đều có nguyện vọng chấm dứt hôn nhân.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

- Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai các đương sự thể hiện có 03 con chung là Huỳnh Thị Diễm T, sinh ngày 17/5/2007; Huỳnh Minh T1, sinh ngày 30/3/2015 và Huỳnh Ngọc G, sinh ngày 05/7/2020. Hiện nay chị TH trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên các bên thống nhất chị TH có nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng. Xét thấy, các bên không tranh chấp quyền nuôi con, ngoài ra do anh V đang chấp hành biện pháp cai nghiện không thể trực tiếp chăm lo cho các con. Vì vậy, cần thiết giao các con chung cho chị TH nuôi dưỡng là phù hợp. Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn; Chị Nông Thị Thu TH được ly hôn với anh Huỳnh Thanh V.

2. Về con chung: Giao các con chung Huỳnh Thị Diễm T, sinh ngày 17/5/2007; Huỳnh Minh T1, sinh ngày 30/3/2015 và Huỳnh Ngọc G, sinh ngày 05/7/2020 cho chị Nông Thị Thu TH trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nông Thị Thu TH phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009623 ngày 26/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- UBND xã Đ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình